

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 4 – 2020
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương
2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-DS ngày 06/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 03/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bùi Minh Tr, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Lương Bích Ph, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm ông Bùi Minh Tr là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Tr và bà Ph chung sống với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 01/01/1991. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi về kinh tế và bất đồng với nhau về quan điểm trong hôn nhân nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến

nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lương Bích Ph.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Thùy Tr, sinh năm 1993 và Bùi Minh Tr, sinh năm 1997. Hiện nay, các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Theo biên bản làm việc ngày 23/3/2020, bà Lương Bích Ph là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 01/01/1991. Trong thời gian sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Năm 2016, ông Tr đi làm ăn xa, sau đó ông không quay về thăm vợ con và cũng không liên hệ với vợ con. Bà cho rằng, hiện nay ông Tr đang có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà Ph có khuyên ngăn ông Tr nhưng ông vẫn không thay đổi. Đối với yêu cầu ly hôn của ông Tr, bà Ph không đồng ý do bà còn tình cảm với ông Tr. Bà Ph và ông Tr đã lớn tuổi, bà mong muốn ổn định cuộc sống để lo cho các con.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Thùy Tr, sinh năm 1993 và Bùi Minh Tr, sinh năm 1997. Hiện nay, các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 1) 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Bùi Minh Tr (Photo);
- 2) 01 Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Bùi Minh Tr (Photo);
- 3) 01 Trích lục kết hôn (Bản sao);
- 4) 01 Trích lục khai sinh tên Bùi Minh Tr (Bản sao);
- 5) 01 Giấy khai sinh tên Bùi Thị Thùy Tr (Photo);
- 6) 01 Giấy xác nhận nơi cư trú ngày 24/9/2019 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Bùi Minh Tr có đơn yêu cầu được ly hôn với bà Lương Bích Ph. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn*”.

Bà Lương Bích Ph là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lương Bích Ph là bị đơn trong vụ án nhưng bà Ph vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lương Bích Ph là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr yêu cầu ly hôn với bà Ph, bà Ph không đồng ý ly hôn với ông Tr.

Ông Tr và bà Ph có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 01/01/1991, do đó hôn nhân giữa ông Tr và bà Ph là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi về kinh tế và bất đồng với nhau về quan điểm sống. Ông Tr và bà Ph không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay, vợ chồng cũng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mặc dù bà Ph không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động hay đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được ông Tr tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa ông Tr và bà Ph đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Tr.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Thùy Tr, sinh năm 1993 và Bùi Minh Tr, sinh năm 1997. Hiện nay, các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Tr và bà Ph có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Tr và bà Ph cùng trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Bùi Minh Tr phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Minh Tr.

- Về hôn nhân: Ông Bùi Minh Tr được ly hôn với bà Lương Bích Ph.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Thùy Tr, sinh năm 1993 và Bùi Minh Tr, sinh năm 1997. Hiện nay, các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr và bà Ph không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Ông Bùi Minh Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009552 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông Tr đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Chi cục THADS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh